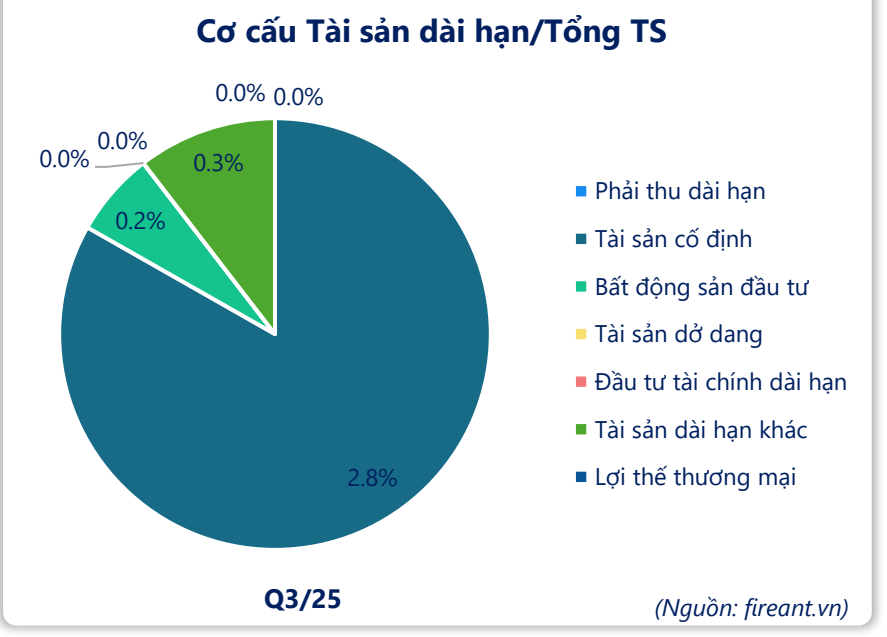
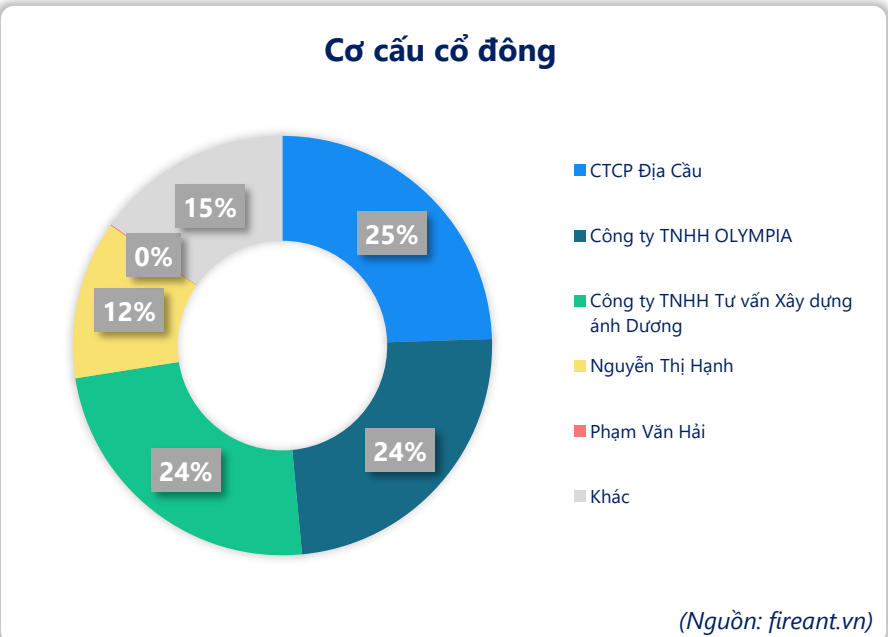
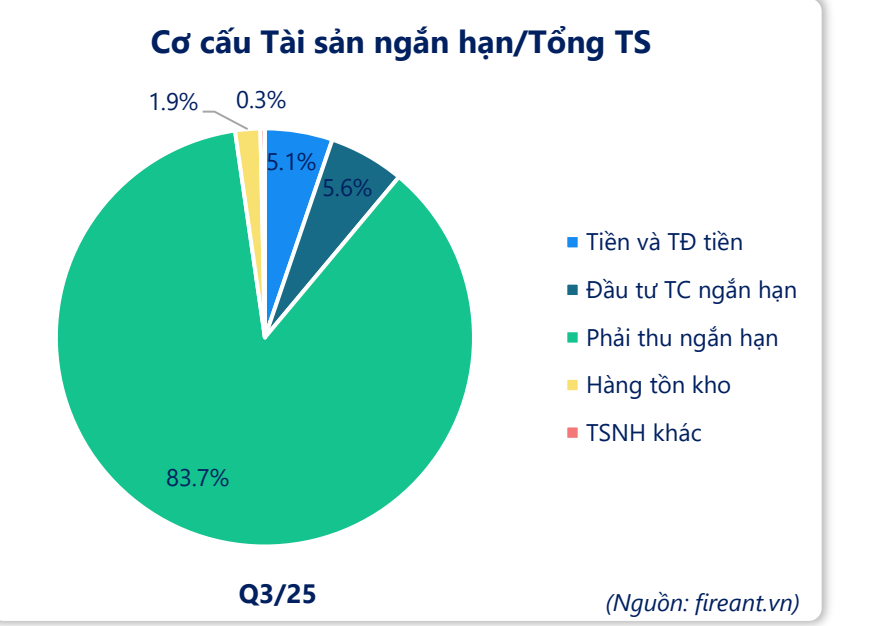
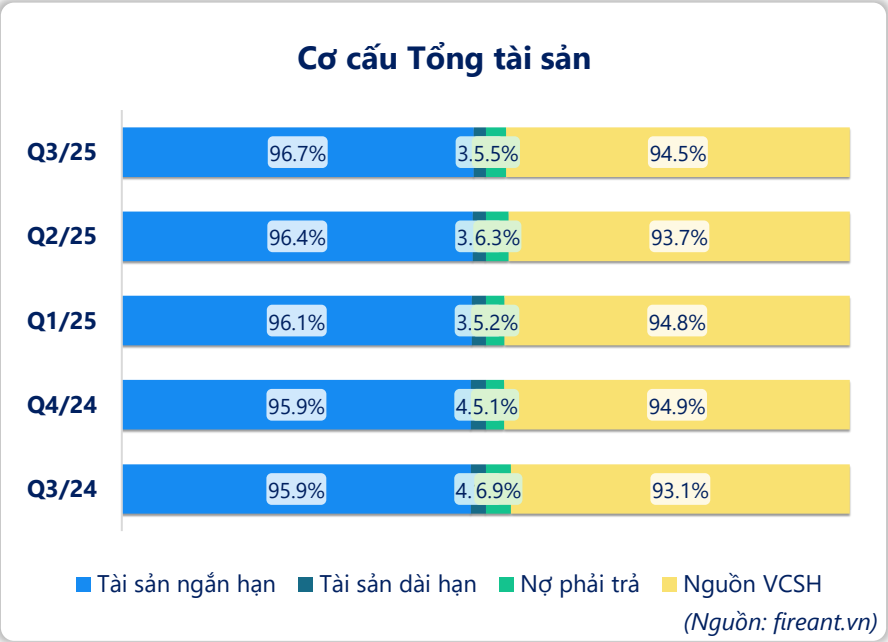
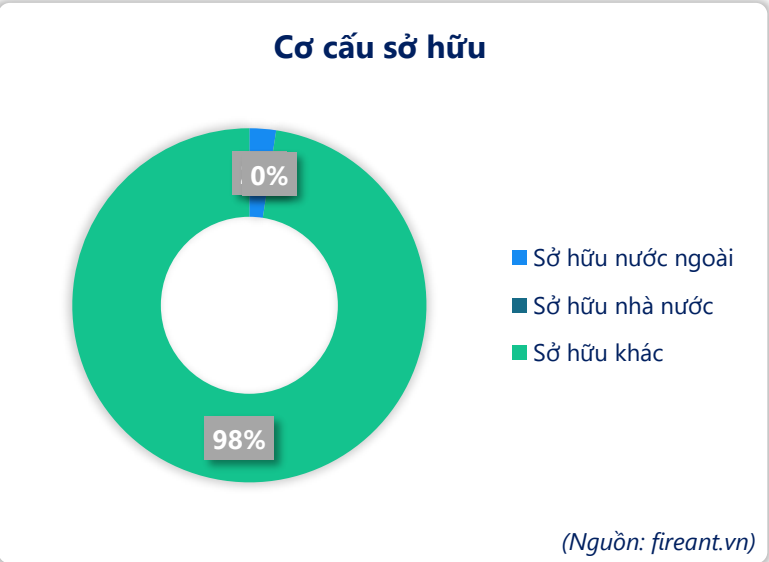
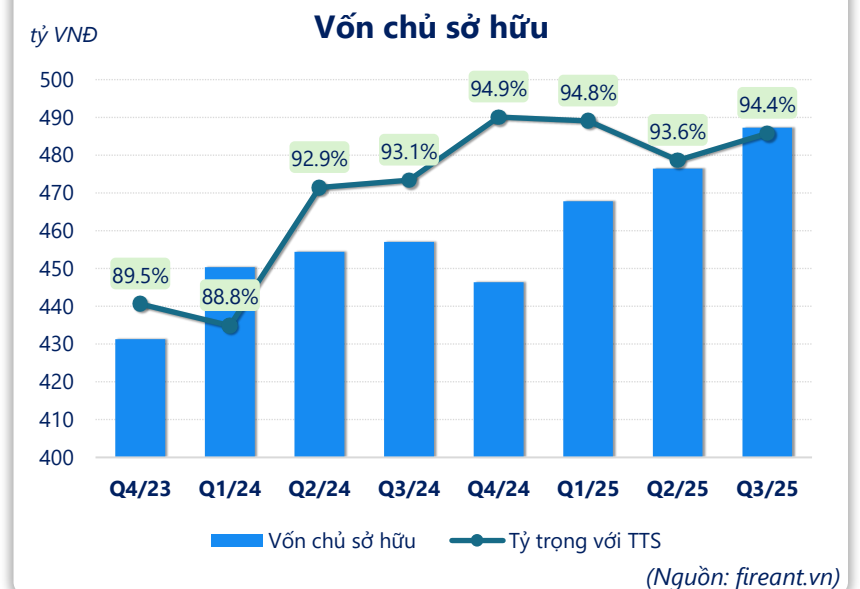
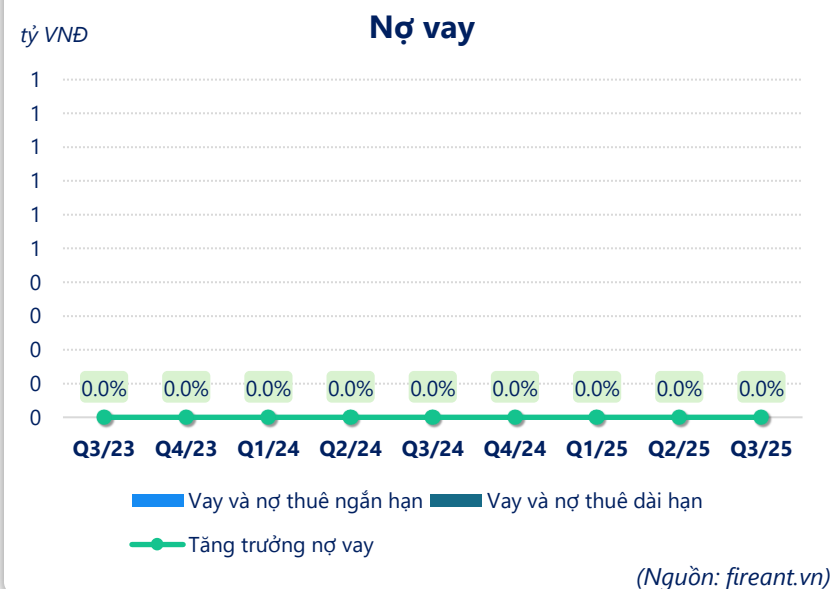
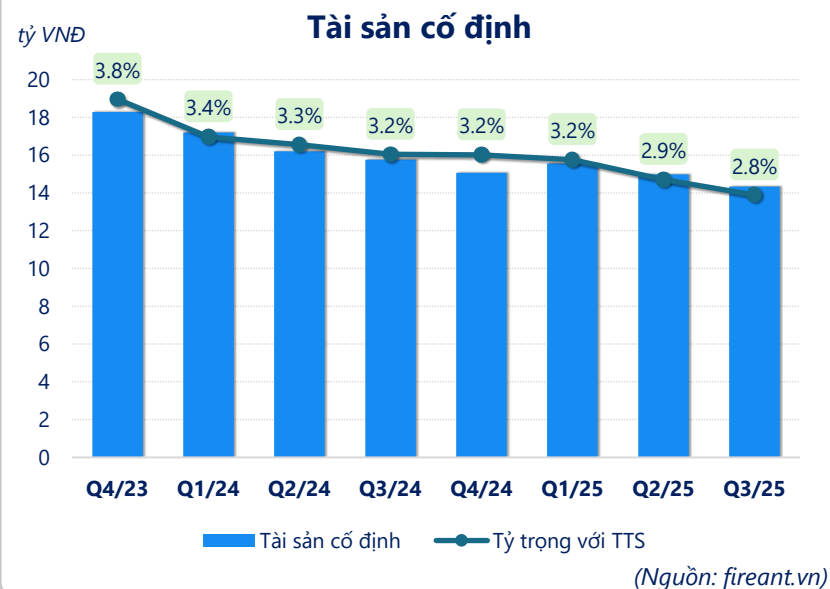
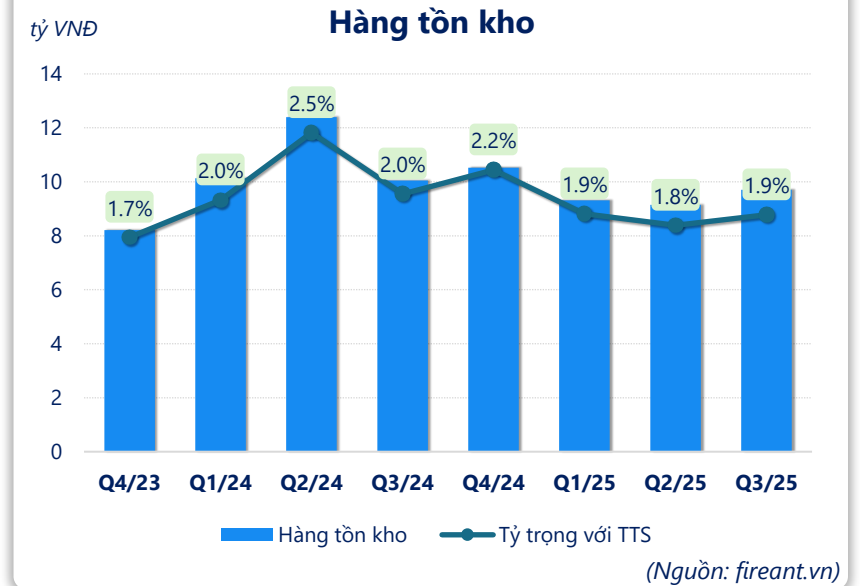
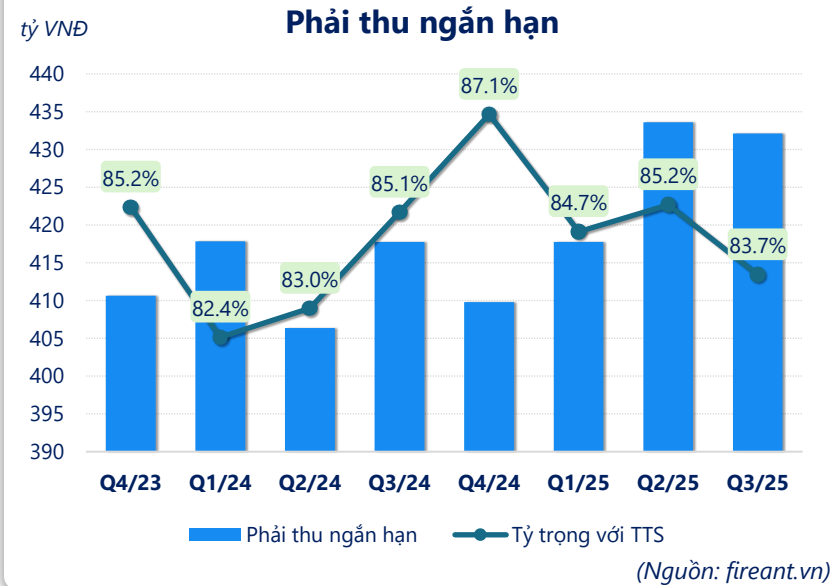
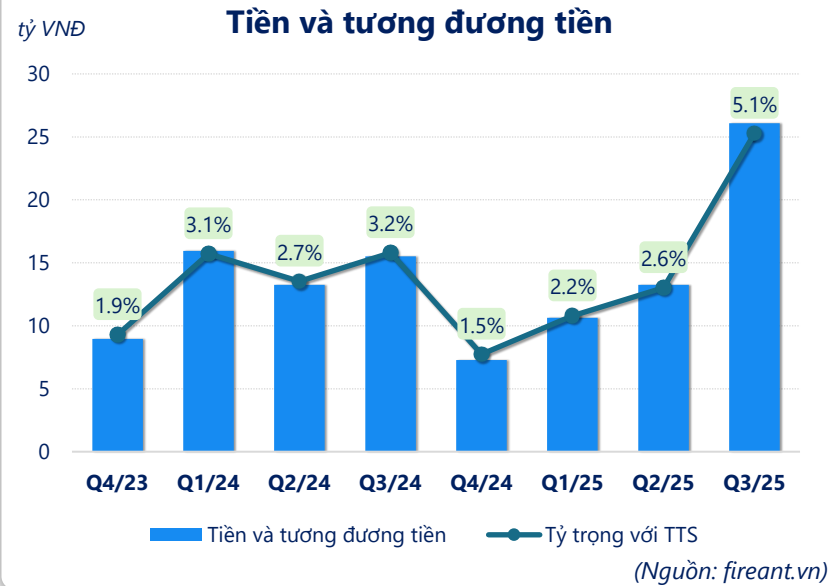
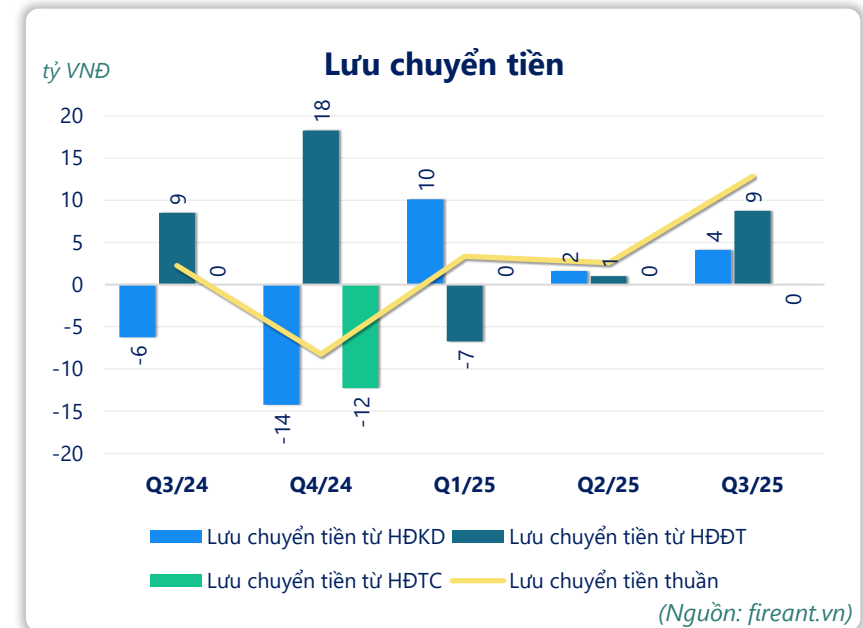
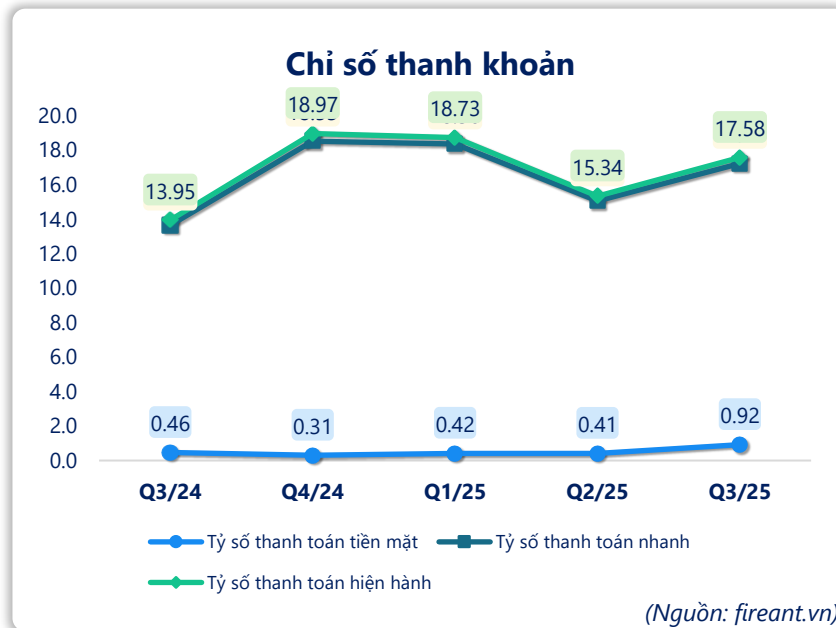
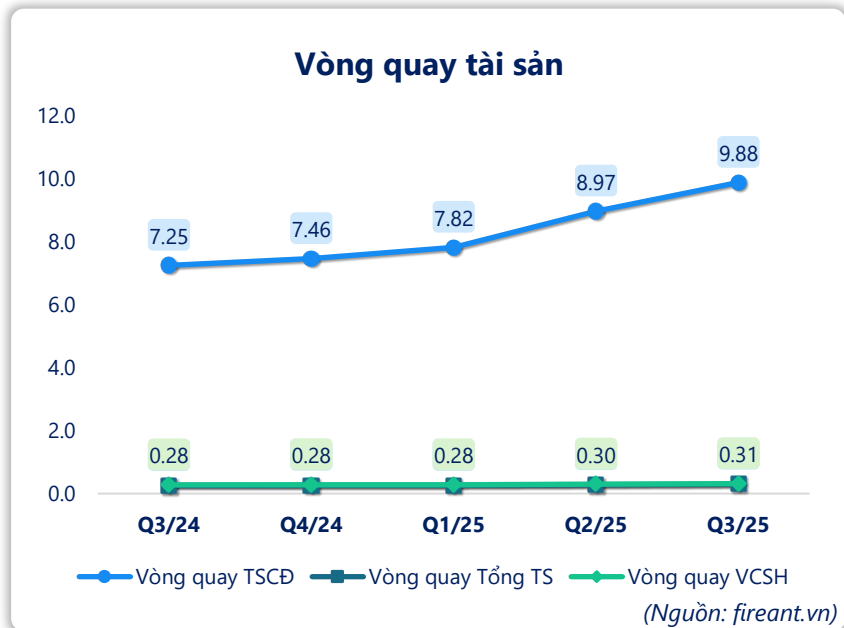
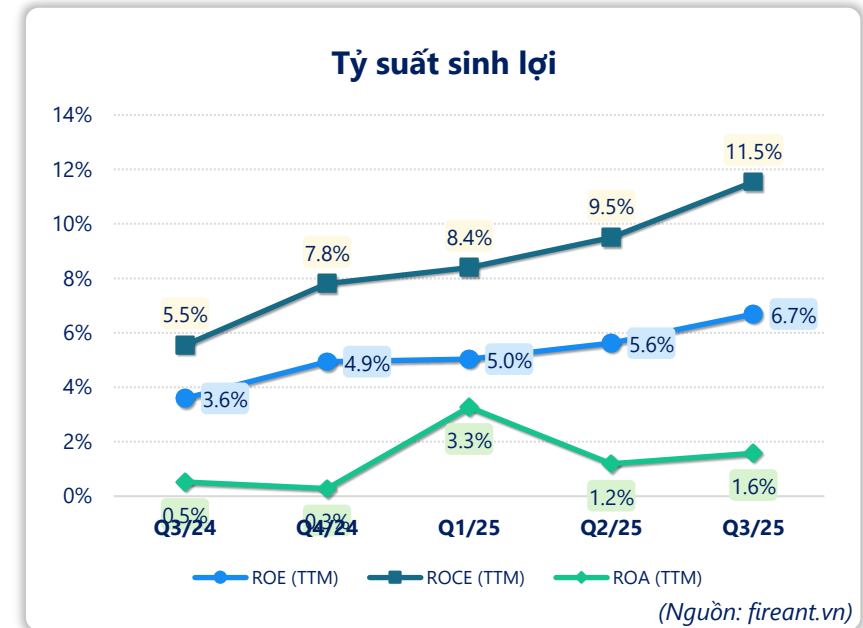
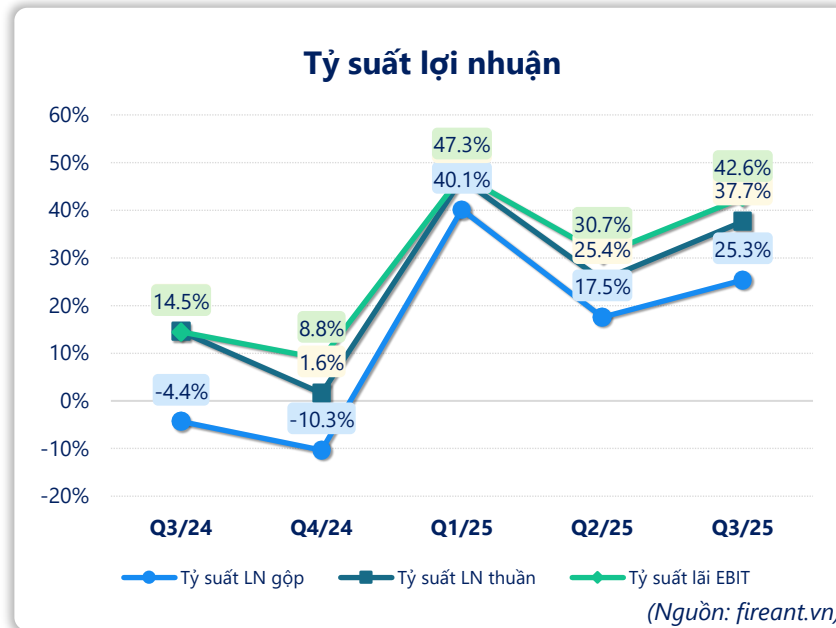
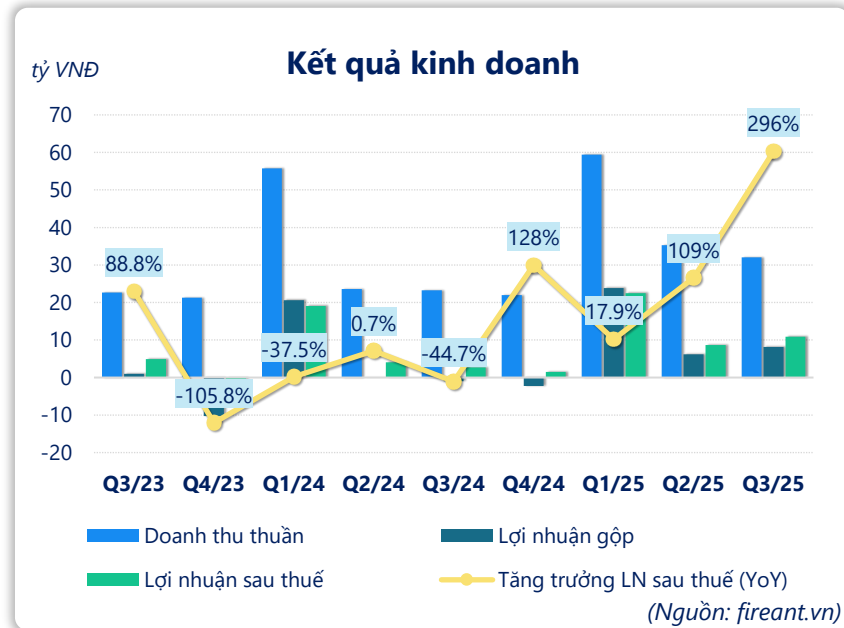


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,022
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,516
SL cổ phiếu LH		4,570,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		700
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		158
P/E		5.0
EPS		6,910

	YTD	1T	3T	6T
TTT	4.3%	8.3%	15.9%	19.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	516	470	9.7%
Tài sản ngắn hạn	499	451	10.5%
Tiền và tương đương tiền	26.1	7.28	258%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.1	22.6	29.0%
Phải thu ngắn hạn	432	410	5.5%
Hàng tồn kho	9.70	10.5	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	1.02	69.6%
Tài sản dài hạn	17.2	19.1	-9.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.3	15.1	-4.8%
Bất động sản đầu tư	1.09	1.30	-16.4%
Tài sản dở dang	0	0.81	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.80	1.88	-4.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.6	24.8	15.2%
Nợ ngắn hạn	28.4	24.8	14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.71	10.3	-34.8%
Nợ dài hạn	0.23	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	487	445	9.4%
Vốn chủ sở hữu	487	445	9.4%
Vốn điều lệ	45.7	45.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.11	0.15	-24.5%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	23.2	21.9	59.4	35.3	32.0
Giá vốn hàng bán	24.3	24.2	35.6	29.1	23.9
Lợi nhuận gộp	-1.01	-2.27	23.8	6.20	8.11
Doanh thu HĐTC	6.61	6.50	6.56	6.62	6.77
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.24	0.40	0.36	0.53	0.38
Chi phí QLDN	1.98	3.48	2.38	3.33	2.45
LN thuần từ HĐKD	3.38	0.35	27.7	8.96	12.1
Lợi nhuận khác	-0.02	1.59	0.46	1.88	1.58
LN trước thuế	3.36	1.94	28.1	10.8	13.6
Lợi nhuận sau thuế	2.67	1.53	22.5	8.64	10.9
LNST của CĐ cty mẹ	2.53	1.34	16.4	5.93	7.96

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.25	-14.2	10.1	1.62	4.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.52	18.3	-6.73	0.99	8.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-12.2	0	0	-0.01
Tiền đầu kỳ	13.3	15.5	7.28	10.6	13.2
Lưu chuyển tiền thuần	2.27	-8.24	3.36	2.61	12.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.5	7.28	10.6	13.2	26.1

(Nguồn: fireant.vn)